

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
Số 2999 / QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tuy Phước, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao chỉ tiêu thực hiện tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 đối với các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn theo Chỉ thị 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng CP.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 10/05/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành nhiệm vụ tài chính - ngân sách Nhà nước năm 2015 và Công văn số 5652/BTC-NSNN ngày 27/4/2015 của Bộ Tài chính về việc xác định số chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 tạm giữ lại;

Căn cứ Công văn số 1362/STC-NS ngày 13/5/2015 của Sở Tài chính Bình Định về việc thực hiện tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên của 8 tháng cuối năm 2015;

Căn cứ Công văn số 409/UBND-TC ngày 27/5/2015 của UBND huyện Tuy Phước về việc thực hiện tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên của 8 tháng cuối năm 2015;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 238/TTr-PTCKH ngày 29/6/2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015, đối với các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn theo Chỉ thị 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng kinh phí là: **2.541.341.000 đồng (Hai tỷ năm trăm bốn mươi một triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn đồng)**. Trong đó:

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện : 1.849.361.000 đồng
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn : 691.980.000 đồng

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị dự toán thuộc huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm căn cứ vào số tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 tại Điều 1 Quyết định này, phân bổ chỉ tiêu tạm giữ lại cho cơ quan, đơn vị, bộ phận để thực hiện.

2. Giao Trưởng phòng Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 của các đơn vị dự toán thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn.

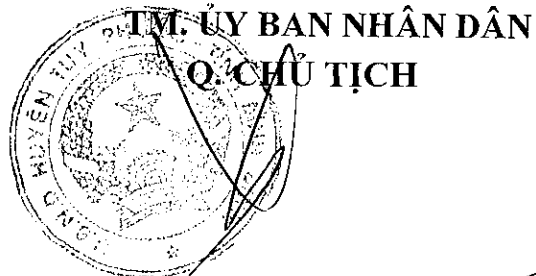
3. Giao Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện căn cứ vào chỉ tiêu tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức thực hiện tạm giữ lại theo Công văn số 7820/BTC-KBNN ngày 12/6/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phương pháp tạm giữ 10% chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành .

Điều 3 . Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký,

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan, phòng, ban, đơn vị dự toán thuộc huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HU;
- Thường trực HĐND huyện;
- QCT, các PCT UBND huyện;
- Lưu : VT



Trần Hữu Lộc



PHỤ LỤC

**KINH PHÍ TẠM GIỮ LẠI 10% CHI THƯỜNG XUYÊN
8 THÁNG NĂM 2015 CỦA HUYỆN TUY PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 2999 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015
của UBND huyện Tuy Phước)



ĐVT: 1000 đ

STT	Đơn vị	Tổng số tiết kiệm thêm chi thường xuyên 8 tháng còn lại trong năm 2015			Ghi chú
		Tổng số	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	
1	2	3	4	5	6
A	KHỐI HUYỆN	1,849,361	803,424	1,045,937	
I	Các đơn vị sự nghiệp	1,051,361	621,283	430,078	
1	Trạm khuyến nông	35,700	5,700	30,000	
2	Ban QL Cum CN - DV	5,700	0	5,700	
3	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	8,221	8,221	0	
4	Sự nghiệp Giáo dục	860,157	565,181	294,976	
5	Trung tâm BD Chính Trị huyện	6,390	4,560	1,830	
6	Sự nghiệp Văn hoá Thông tin	82,572	10,260	72,312	
7	Sự nghiệp Thể dục Thể thao	14,880	2,280	12,600	
8	Đài truyền thanh	16,980	9,120	7,860	
9	Văn phòng ĐK QSD đất	11,400	11,400	0	
10	Hội chữ thập đỏ	9,360	4,560	4,800	
II	Các cơ quan hành chính	798,000	182,141	615,859	
a	Quản lý Nhà nước	537,120	140,741	396,379	
1	Văn phòng HĐND và UBND	50,911	35,640	15,271	
2	Thanh Tra Nhà nước	19,140	8,400	10,740	
3	Phòng Tư Pháp	9,701	5,933	3,768	
4	Phòng Nội vụ	82,200	13,200	69,000	
5	Phòng Lao động TB và XH	70,768	9,568	61,200	
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch	14,400	14,400	0	
7	Phòng Nông nghiệp và PTNT	21,000	12,000	9,000	
8	Phòng Kinh tế Hạ tầng	18,000	14,400	3,600	
9	Ph. Tài nguyên và M.trường	23,300	10,400	12,900	
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	5,400	5,400	0	
11	Phòng Y tế	17,400	5,400	12,000	
12	Phòng Văn hóa Thông tin	35,160	6,000	29,160	
13	Công an	83,700	0	83,700	
14	Huyện đội	86,040	0	86,040	
b	Khôi Đảng	196,560	0	196,560	
c	Khôi đoàn thể	64,320	41,400	22,920	
1	UB Mặt trận TQVN	20,820	9,600	11,220	
2	Hội Cựu chiến binh	5,100	4,800	300	
3	Hội Nông dân	9,900	8,400	1,500	
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	11,700	8,400	3,300	
5	Hội Liên hiệp Thanh niên	16,800	10,200	6,600	
B	KHỐI XÃ, THỊ TRẤN	691,980	691,980	0	
1	UBND xã Phước Hưng	53,820	53,820		
2	UBND xã Phước Quang	50,340	50,340		
3	UBND xã Phước Hòa	62,040	62,040		
4	UBND xã Phước Thắng	55,020	55,020		

STT	Đơn vị	Tổng số tiết kiệm thêm chi thường xuyên 8 tháng còn lại trong năm 2015			Ghi chú
		Tổng số	Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	
1	2	3	4	5	6
5	UBND xã Phước Sơn	58,140	58,140		
6	UBND xã Phước Thuận	50,040	50,040		
7	UBND xã Phước Hiệp	53,100	53,100		
8	UBND xã Phước Nghĩa	46,140	46,140		
9	UBND xã Phước Lộc	53,520	53,520		
10	UBND xã Phước An	55,800	55,800		
11	UBND xã Phước Thành	50,100	50,100		
12	UBND xã TT Tuy Phước	50,040	50,040		
13	UBND xã TT Diêu Trì	53,880	53,880		
	Tổng cộng	2,541,341	1,495,404	1,045,937	